

BẢNG THAM KHẢO CÁC KÝ HIỆU THÉP HỢP KIM THÔNG DỤNG

1. Theo tiêu chuẩn Liên Xô cũ

Kí hiệu bảng hợp thành thép và số:

- Chữ cái Nga dùng để ký hiệu nguyên tố hợp kim, thông thường là từ chữ đầu trong tên gọi nguyên tố hóa học bằng tiếng Nga, nếu trùng nhau phải dùng chữ khác.

Crôm - X Niken - H

Vonfram - B Môlipden - M

Mangan - Γ Silic - C

Vanadi - Φ đồng - Д

Nhôm - Ю Bo - P

- Số dùng để chữ thành phần cacbon và nguyên tố hợp kim với quy ước.

+ Số ở đầu ký hiệu chữ thành phần cacbon theo quy định.

+ Số ở đằng sau mũi chữ chỉ lượng trung bình quy tròn theo phần trăm của nguyên tố đó, nếu trên dưới 1% thì không biểu thị.

Ví dụ:

Thép có 0,36% - 0,44% C (0,40%C), 0,8 - 1,1%Cr (1%Cr) là thép kết cấu 40X.

Thép có 0,09 - 0,16%C, 0,6 - 0,9 Cr, 2,75 - 3,15%Ni là thép kết cấu 12XH3.

Thép có 0,85 - 0,95% C, 1,2 - 1,6%Si, 0,95 - 1,25%Cr là thép dùng cuộn 9XC.

Cần chú ý:

- Thép ít P, S (< 0,025%) đằng sau ký hiệu có chữ A.

- Một số thép chuyên dùng có ký hiệu riêng (Liên Xô cũ ký hiệu thép lăn IX6, số 6 tiếp theo chữ lượng Crôm theo phần nghìn; Việt Nam ký hiệu bảng OL100Cr2).

2. Tiêu chuẩn Việt Nam

Cũng ký hiệu bảng hợp thành thép và số nhưng khác với ký hiệu Liên Xô cũ như sau:

- Kí hiệu nguyên tố hợp kim bằng chính kí hiệu hóa học của nó.

- Số ở đầu chữ thành phần cacbon luôn luôn để kí hiệu theo phần nghìn.

- Số tiếp theo để gọi các kí hiệu như sau:

40X - 40Cr, 12XH3 - 12CrNi3.